

## **Đề án tuyển sinh Đại học Sư phạm TPHCM năm 2024**

### **I. Phương thức tuyển sinh năm 2024**

#### **1. Xét tuyển thẳng**

Trường dành tối đa 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành để xét tuyển thẳng theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 1140/QĐ-ĐHSP ngày 15/4/2024. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp Trung học phổ thông (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

cử đi; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp Trung học phổ thông (THPT) của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

5. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng

Riêng đối với ngành Giáo dục Mầm non thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và phải đạt từ 6,5 điểm trở lên.

## **2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên**

### **2.1. Đối với Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh.**

Trường xét tuyển những thí sinh thoả các điều kiện theo Khoản 4, Điều 7, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 1140/QĐ-ĐHSP ngày 15/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:* Ưu tiên xét tuyển (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

Riêng đối với ngành Giáo dục Mầm non thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và phải đạt từ 6,5 điểm trở lên.

## **2.2. Đối với Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên**

Đối với mỗi ngành học, Trường xét tuyển những thí sinh đã tốt nghiệp các trường THPT có xếp loại học lực lớp 12 chuyên năm học 2023- 2024 **từ giỏi trở lên** và đạt một trong các điều kiện theo thứ tự ưu tiên sau vào ngành đúng hoặc ngành gần:

a) Tham gia đội tuyển học sinh giỏi quốc gia hoặc đội tuyển cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia;

b) Đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức;

c) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ B2 trở lên hoặc tương đương (áp dụng đối với các ngành ngoại ngữ theo danh mục ngành đúng ngành gần);

d) Có học lực năm học lớp 10 và 11 chuyên đạt học sinh giỏi.

Riêng đối với ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và phải đạt từ 6,5 điểm trở lên.

**Hình thức xét tuyển:** xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự ưu tiên của các tiêu chí cho đến khi hết chỉ tiêu.

## **3. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024**

Phương thức tuyển sinh này (áp dụng cho tất cả các ngành trừ ngành Giáo dục Thể chất và Giáo dục Mầm non).

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng tổ hợp 03 bài thi/môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển. Trong đó, bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn.

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển (từng bài thi/môn thi chấm theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$\mathbf{Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3} + Đ_{UT}}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$ : Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}$ ,  $Đ_{M2}$ ,  $Đ_{M3}$ : Điểm bài thi/môn thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{UT}$ : Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

### **4. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (xét tuyển theo học bạ)**

Phương thức tuyển sinh này (áp dụng cho tất cả các ngành trừ ngành Giáo dục Thể chất và Giáo dục Mầm non).

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả học tập THPT *trong 06 học kỳ (lớp 10, 11 và 12)* của 03 môn học để xét tuyển (tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 như ở phương thức 1.2).

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình của 03 môn học *06 học kỳ ở THPT* (tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$\mathbf{Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3} + Đ_{UT}}$$

Trong đó:

$D_{XT}$ : Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_{M1}$ ,  $D_{M2}$ ,  $D_{M3}$ : Điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của môn học thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$D_{UT}$ : Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

## **5. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp thi tuyển môn năng khiếu**

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non.

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$D_{XT} = D_M + D_{NK1} + D_{NK2} + D_{UT}$$

Trong đó:

$D_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_M$ : điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán;

$D_{NK1}$ ,  $D_{NK2}$  : điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$D_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

## **6. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi tuyển môn năng khiếu**

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non.

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả học tập môn Ngữ văn hoặc Toán ở THPT (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình của môn Ngữ văn hoặc Toán trong 06 học kỳ ở THPT (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_M + Đ_{NK1} + Đ_{NK2} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_M$ : điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của môn Ngữ văn hoặc Toán theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{NK1}$ ,  $Đ_{NK2}$  : điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$Đ_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

### **7. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt**

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin, Sư phạm Vật lý, Vật lý học, Sư phạm Hóa học, Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Sư phạm Công nghệ và Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Sinh học ứng dụng.

### **Mô tả phương án**

Ứng với từng tổ hợp xét tuyển vào các ngành học Trường chọn sử dụng:

- Môn chính ứng với ngành học được lấy kết quả từ kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức;

- Hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển được lấy kết quả học tập ở THPT.

Môn chính đối với mỗi ngành học được xác định như sau:

- Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục học, Quản lý giáo dục: môn chính là Toán học;

- Sư phạm Vật lý, Vật lý học, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên: môn chính là Vật lý;

- Sư phạm Hoá học, Hoá học, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên: môn chính là Hoá học;

- Sư phạm Sinh học, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Sinh học ứng dụng: môn chính là Sinh học;

- Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh: môn chính là Ngữ văn;

- Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc: môn chính là tiếng Anh.

### **Hình thức xét tuyển**

Điểm xét tuyển được xác định: tổng điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường tổ chức trong năm 2023, 2024 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2024 (được quy đổi về thang điểm 10) của môn chính (được nhân hệ số 2), cộng với điểm hai môn còn lại trong tổ hợp là điểm trung bình môn trong **06 học kỳ ở THPT**. Tổng điểm này được quy đổi về thang điểm 30 và cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$\mathbf{Đ_{XT} = (2 \times Đ_{MC} + Đ_{M1} + Đ_{M2}) \times 0.75 + Đ_{UT}}$$

Trong đó:

Đ<sub>XT</sub>: Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_{MC}$ : điểm môn chính được lấy từ kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2023, 2024 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2024 (được quy đổi về thang điểm 10);

$D_{M1}, D_{M2}$ : Điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của hai môn còn lại theo tổ hợp xét tuyển;

$D_{UT}$ : Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

## **II. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển**

### **1. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên**

#### *1.1. Ưu tiên xét tuyển*

Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024.

Đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non, thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và phải đạt từ 6,5 điểm trở lên.

#### *1.2. Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên*

Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và có học lực lớp 12 chuyên xếp loại giỏi.

Đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất, thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và phải đạt từ 6,5 điểm trở lên.

### **2. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (phương thức này áp dụng với tất cả các ngành trừ Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất)**

Ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024).

### **3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (phương thức này áp dụng với tất cả các ngành trừ Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất)**



Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đồng thời phải thỏa một trong hai điều kiện sau:

- + Có học lực lớp 12 xếp loại giỏi;
- + Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

#### **4. Đối với phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển**

##### **4.1. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học**

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024).

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT: chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đồng thời phải thỏa một trong hai điều kiện sau:

- + Có học lực lớp 12 xếp loại giỏi;
- + Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

##### **4.2. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng**

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024).

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT: chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đồng thời phải thỏa một trong hai điều kiện sau:

- + Có học lực lớp 12 xếp loại khá;
- + Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

### **4.3. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất**

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024);

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT: chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đồng thời thỏa thêm một trong các điều kiện sau:

+ Có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;

+ Là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0).

**5. Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt** (*Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin, Sư phạm Vật lý, Vật lý học, Sư phạm Hóa học, Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Sư phạm Công nghệ và Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Sinh học ứng dụng*)

Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, tham gia kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức và có kết quả môn chính đạt từ 5,0 điểm trở lên, đồng thời phải thỏa một trong hai điều kiện sau:

+ Có học lực lớp 12 xếp loại giỏi;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

### **III. Thông tin về hồ sơ xét tuyển và thời gian nộp hồ sơ**

## 1. Hồ sơ (dự kiến)

Đối với phương thức *xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên, xét tuyển theo kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt, xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT*:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (khai báo trực tuyến);
- + Học bạ THPT và các minh chứng theo yêu cầu của xét tuyển (khai báo trực tuyến).

Đối với phương thức *xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024*: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## 2. Thời gian, phương thức đăng ký xét tuyển (dự kiến)

Đối với phương thức xét tuyển thẳng: đăng ký trực tuyến tại [xettuyen.hcmue.edu.vn](http://xettuyen.hcmue.edu.vn) từ ngày 01/6/2024 đến 17h00 ngày 30/6/2024.

Đối với phương thức *ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên, xét tuyển theo kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt, xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT*: đăng ký trực tuyến tại [xettuyen.hcmue.edu.vn](http://xettuyen.hcmue.edu.vn) từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 15/6/2024.

Đối với phương thức *xét tuyển xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024*: đăng ký theo hướng dẫn và khung thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## IV. Các thông tin đăng ký xét tuyển (mã trường - tổ hợp xét tuyển)

### 1. Mã trường: SPS

### 2. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển (dự kiến)

TT	Tên ngành/chương trình	Mã ngành/chương trình	Tổ hợp	Môn thi
1	Giáo dục học	7140101	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

		7140101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140101	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7140101	C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
<b>2</b>	Quản lý giáo dục	7140114	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140114	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7140114	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7140114	C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
3	Giáo dục Mầm non	7140201	M02	Toán, Năng khiếu GDMN 1, Năng khiếu GDMN 2
		7140201	M03	Ngữ văn, Năng khiếu GDMN 1, Năng khiếu GDMN 2
4	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140202	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7140202	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
5	Giáo dục Đặc biệt	7140203	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

		7140203	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140203	C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
6	Giáo dục công dân	7140204	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140204	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
		7140204	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
7	Giáo dục Chính trị	7140205	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140205	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
		7140205	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
8	Giáo dục Thể chất	7140206	T01	Toán, Năng khiếu TDTT 1, Năng khiếu TDTT 2
		7140206	M08	Ngữ văn, Năng khiếu TDTT 1, Năng khiếu TDTT 2
9	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140208	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân

		7140208	A08	Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân
10	Sư phạm Toán học	7140209	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140209	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
11	Sư phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140210	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7140210	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
12	Sư phạm Vật lý	7140211	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7140211	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7140211	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
13	Sư phạm Hoá học	7140212	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
		7140212	B00	Toán, Hoá học, Sinh học
		7140212	D07	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
14	Sư phạm Sinh học	7140213	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
		7140213	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh

15	Sư phạm Ngữ văn	7140217	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7140217	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140217	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
16	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140218	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
17	Sư phạm Địa lý	7140219	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140219	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
		7140219	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
		7140219	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
18	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
19	Sư phạm Tiếng Anh Tiểu học <i>(chương trình thuộc ngành Sư phạm Tiếng Anh)</i>	7140231S N	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

20	Sư phạm Tiếng Nga	7220202	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga
		7220202	D80	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Nga
		7220202	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7220202	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
21	Sư phạm Tiếng Pháp	7220203	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp
		7220203	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
22	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
		7140234	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
23	Sư phạm công nghệ	7140246	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
		7140246	A02	Toán, Vật lý, Sinh học
		7140246	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
		7140246	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
24	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
		7140247	A02	Toán, Vật lý, Sinh học



		7140247	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
		7140247	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
25	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7140249	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
		7140249	C20	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân
		7140249	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
26	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
27	Ngôn ngữ Nga	7220202	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga
		7220202	D80	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Nga
		7220202	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7220202	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
28	Ngôn ngữ Pháp	7220203	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp

		7220203	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
29	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
		7220204	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
30	Ngôn ngữ Nhật	7220209	D06	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật
		7220209	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
31	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7220210	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
		7220210	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
		7220210	DD2	Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn
32	Văn học	7229030	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7229030	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7229030	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
33	Tâm lý học	7310401	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
		7310401	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

		7310401	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
34	Tâm lý học giáo dục	7310403	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7310403	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7310403	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
35	Địa lý học	7310501	D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh
		7310501	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
		7310501	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
		7310501	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
36	Quốc tế học	7310601	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7310601	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
		7310601	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
37	Việt Nam học	7310630	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7310630	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7310630	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh

38	Vật lý học	7440102	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7440102	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7440102	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
39	Hoá học	7440112	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
		7440112	B00	Toán, Hoá học, Sinh học
		7440112	D07	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
40	Công nghệ thông tin	7480201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7480201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
		7480201	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
41	Công tác xã hội	7760101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
		7760101	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7760101	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
42	Sinh học ứng dụng	7420203	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
		7420203	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh

43	Du lịch	7810101	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
		7810101	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
		7810101	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
		7810101	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
44	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	<p>- Đối tượng tuyển sinh:</p> <p>+ Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông;</p> <p>+ Thí sinh là người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo Luật quốc tịch Việt Nam đã tốt nghiệp trung học phổ thông.</p> <p>- Tổ chức xét tuyển (có thông báo cụ thể riêng).</p>	
<b>Các chương trình đào tạo khác</b>				
45	Sư phạm Toán học dạy bằng song ngữ Việt - Anh	7140209S N	<p>- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển ngành Sư phạm Toán học có nguyện vọng học chương trình song ngữ;</p> <p>- Tổ chức xét tuyển dựa vào chứng chỉ ngoại ngữ hoặc bài đánh giá độc lập về năng lực ngoại ngữ. Xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự tiêu chí cho đến khi hết chỉ tiêu.</p>	

46	Giáo dục Tiểu học dạy bằng song ngữ Việt - Anh	7140202S N	<p>- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển ngành Giáo dục Tiểu học có nguyện vọng học chương trình song ngữ;</p> <p>- Tổ chức xét tuyển dựa vào chứng chỉ ngoại ngữ hoặc bài đánh giá độc lập về năng lực ngoại ngữ. Xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự tiêu chí cho đến khi hết chỉ tiêu.</p>
----	--	---------------	---

**Các chương trình liên kết đào tạo**

47	<p>Công nghệ thông tin</p> <p>Liên kết đào tạo trình độ đại học giữa Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Deakin (Úc)</p>	7480201LK	<p>- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp chương trình phổ thông tại Việt Nam hoặc nước ngoài, có nguyện vọng và đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển;</p> <p>- Điều kiện: yêu cầu trình độ tiếng Anh đầu vào tối thiểu đạt B2 theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR) hoặc tương đương trình độ tiếng Anh bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</p> <p>- Tổ chức xét tuyển: xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả học tập THPT, xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNL chuyên biệt (sử dụng môn Toán làm môn chính) theo tổ hợp A00 (Toán - Vật lý - Hóa học), A01 (Toán - Vật lý - Tiếng Anh), B08 (Toán - Sinh học - Tiếng Anh). Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.</p>
----	--	-----------	---

48	Ngôn ngữ Trung Quốc - Giáo dục Hán ngữ Quốc tế liên kết giữa Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Sư phạm Thủ Đô (Trung Quốc)	7220204LK	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, có nguyện vọng và đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển;</li> <li>- Điều kiện: yêu cầu trình độ tiếng Trung đầu vào tối thiểu đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</li> <li>- Tổ chức xét tuyển: thông báo sau.</li> </ul>
----	--	-----------	--

### 3. Các quy định khác trong xét tuyển

- Quy định chênh lệch điểm giữa các tổ hợp: điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn thuộc một ngành xét tuyển là như nhau;
- Điều kiện phụ trong xét tuyển: trường hợp các thí sinh cuối cùng của chỉ tiêu tuyển sinh có điểm thi bằng nhau, Trường ưu tiên theo thứ tự nguyện vọng đăng ký;
- Điểm trúng tuyển của các ngành tuyển sinh tại các phân hiệu có thể lệch so với cơ sở chính;
- Đối với các phương thức xét tuyển sớm, thí sinh chỉ được tham gia xét tuyển khi đã đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Trường tại [xettuyen.hcmue.edu.vn](http://xettuyen.hcmue.edu.vn) từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 15/6/2024;
- Thí sinh đã hoàn thành việc dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm, nếu đủ điều kiện trúng tuyển phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống để được xét tuyển theo quy định. Thí sinh phải đảm bảo thông tin đăng ký xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường trùng khớp với thông tin đăng ký xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, Trường sẽ tiến hành kiểm tra thông tin đăng ký xét tuyển và hồ sơ minh chứng của thí sinh. Thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu kết quả xét tuyển bị ảnh hưởng do có sự sai lệch giữa thông tin trên hồ sơ nhập học với thông tin thí sinh đã khai trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường;

### V. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến đối với từng ngành

Mã phương thức 100: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

Mã phương thức 200: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT

Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng

Mã phương thức 303: Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên

Mã phương thức 401: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt

Mã phương thức 405: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi tuyển môn năng khiếu

Mã phương thức 406: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi tuyển môn năng khiếu



TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
1	ĐH	7140101	Giáo dục học	301	6								
		7140101	Giáo dục học	303	6								
		7140101	Giáo dục học	401	18	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	C14	Toán
		7140101	Giáo dục học	200	6	A00		A01		D01		C14	
		7140101	Giáo dục học	100	24	A00		A01		D01		C14	
2	ĐH	7140114	Quản lý giáo dục	301	6								
		7140114	Quản lý giáo dục	303	6								
		7140114	Quản lý giáo dục	401	18	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	C14	Toán
		7140114	Quản lý giáo dục	200	6	A00		A01		D01		C14	
		7140114	Quản lý giáo dục	100	24	A00		A01		D01		C14	

3	ĐH	7140201	Giáo dục mầm non	301	20								
		7140201	Giáo dục mầm non	303	40								
		7140201	Giáo dục mầm non	406	20	M02		M03					
		7140201	Giáo dục mầm non	405	120	M02		M03					
4	ĐH	7140202	Giáo dục Tiểu học	301	25								
		7140202	Giáo dục Tiểu học	303	25								
		7140202	Giáo dục Tiểu học	401	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Ngữ văn hoặc Toán		
		7140202	Giáo dục Tiểu học	200	25	A00		A01		D01			
		7140202	Giáo dục Tiểu học	100	75	A00		A01		D01			

5	ĐH	7140203	Giáo dục Đặc biệt	301	5							
		7140203	Giáo dục Đặc biệt	303	5							
		7140203	Giáo dục Đặc biệt	401	15	D01	Ngữ văn	C00	Ngữ văn	C15	Ngữ văn	
		7140203	Giáo dục Đặc biệt	200	5	D01		C00		C15		
		7140203	Giáo dục Đặc biệt	100	20	D01		C00		C15		
6	ĐH	7140204	Giáo dục Công dân	301	3							
		7140204	Giáo dục Công dân	303	6							
		7140204	Giáo dục Công dân	401	9	C00	Ngữ văn	C19	Ngữ văn	D01	Ngữ văn	
		7140204	Giáo dục Công dân	200	3	C00		C19		D01		
		7140204	Giáo dục Công dân	100	9	C00		C19		D01		

7	ĐH	7140205	Giáo dục Chính trị	301	3								
		7140205	Giáo dục Chính trị	303	6								
		7140205	Giáo dục Chính trị	401	9	C00	Ngữ văn	C19	Ngữ văn	D01	Ngữ văn		
		7140205	Giáo dục Chính trị	200	3	C00		C19		D01			
		7140205	Giáo dục Chính trị	100	9	C00		C19		D01			
8	ĐH	7140206	Giáo dục Thể chất	301	5								
		7140206	Giáo dục Thể chất	303	10								
		7140206	Giáo dục Thể chất	406	5	T01		M08					
		7140206	Giáo dục Thể chất	405	30	T01		M08					

9	ĐH	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	301	5							
		7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	303	10							
		7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	401	20	C00	Ngữ văn	C19	Ngữ văn	A08	Toán	
		7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	200	5	C00		C19		A08		
		7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	100	10	C00		C19		A08		
10	ĐH	7140209	Sư phạm Toán học	301	10							
		7140209	Sư phạm Toán học	303	20							
		7140209	Sư phạm Toán học	401	40	A00	Toán	A01	Toán			
		7140209	Sư phạm Toán học	200	10	A00		A01				



14	ĐH	7140213	Sư phạm Sinh học	301	5								
		7140213	Sư phạm Sinh học	303	5								
		7140213	Sư phạm Sinh học	401	15	B00	Sinh học	D08	Sinh học				
		7140213	Sư phạm Sinh học	200	5	B00		D08					
		7140213	Sư phạm Sinh học	100	20	B00		D08					
15	ĐH	7140217	Sư phạm Ngữ văn	301	8								
		7140217	Sư phạm Ngữ văn	303	16								
		7140217	Sư phạm Ngữ văn	401	32	D01	Ngữ văn	C00	Ngữ văn	D78	Ngữ văn		
		7140217	Sư phạm Ngữ văn	200	8	D01		C00		D78			
		7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	16	D01		C00		D78			
16	ĐH	7140218	Sư phạm	301	4								

17	ĐH	7140219	Sư phạm Địa lý	301	3							
		7140219	Sư phạm Địa lý	303	6							
		7140219	Sư phạm Địa lý	200	3	C00		C04		D15		D78
		7140219	Sư phạm Địa lý	100	18	C00		C04		D15		D78
18	ĐH	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	301	12							
		7140231	Sư phạm Tiếng Anh	303	18							
		7140231	Sư phạm Tiếng Anh	401	60	D01	Tiếng Anh					
		7140231	Sư phạm Tiếng Anh	200	12	D01						
		7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	18	D01						
19	ĐH	7140231SN	Sư phạm Tiếng Anh Tiểu học	301	3							
		7140231SN	Sư phạm Tiếng Anh	303	22							





23	ĐH	7140246	Sư phạm công nghệ	301	3								
		7140246	Sư phạm công nghệ	303	6								
		7140246	Sư phạm công nghệ	401	12	A00	Toán hoặc Vật lý hoặc Hóa học	A02	Toán hoặc Vật lý hoặc Sinh học	D90	Toán	A01	Toán hoặc Vật lý
		7140246	Sư phạm công nghệ	200	3	A00		A02		D90		A01	
		7140246	Sư phạm công nghệ	100	6	A00		A02		D90		A01	
24	ĐH	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	301	25								
		7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	303	25								
		7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	401	100	A00	Toán hoặc Vật lý hoặc Hóa học	A02	Toán hoặc Vật lý hoặc Sinh học	B00	Toán hoặc Hóa học hoặc Sinh học	D90	Toán
		7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	200	25	A00		A02		B00		D90	

26	ĐH	7220101	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	500	20								
27	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	301	20								
		7220201	Ngôn ngữ Anh	303	30								
		7220201	Ngôn ngữ Anh	401	100	D01	Tiếng Anh						
		7220201	Ngôn ngữ Anh	200	20	D01							
		7220201	Ngôn ngữ Anh	100	30	D01							
28	ĐH	7220202	Ngôn ngữ Nga	301	7								
		7220202	Ngôn ngữ Nga	303	7								
		7220202	Ngôn ngữ Nga	401	21	D01	Tiếng Anh						
		7220202	Ngôn ngữ Nga	200	7	D01		D02		D80		D78	
		7220202	Ngôn ngữ Nga	100	28	D01		D02		D80		D78	
29	ĐH	7220203	Ngôn ngữ Pháp	301	10								



33	ĐH	7229030	Văn học	301	9							
		7229030	Văn học	303	18							
		7229030	Văn học	401	36	D01	Ngữ văn	C00	Ngữ văn	D78	Ngữ văn	
		7229030	Văn học	200	9	D01		C00		D78		
		7229030	Văn học	100	18	D01		C00		D78		
34	ĐH	7310401	Tâm lý học	301	10							
		7310401	Tâm lý học	303	20							
		7310401	Tâm lý học	200	10	B00		C00		D01		
		7310401	Tâm lý học	100	60	B00		C00		D01		
35	ĐH	7310403	Tâm lý học giáo dục	301	9							
		7310403	Tâm lý học giáo dục	303	18							
		7310403	Tâm lý học giáo dục	200	9	A00		D01		C00		
		7310403	Tâm lý học giáo dục	100	54	A00		D01		C00		

36	ĐH	7310501	Địa lý học	301	5							
		7310501	Địa lý học	303	10							
		7310501	Địa lý học	200	5	D10		D15		D78		C00
		7310501	Địa lý học	100	30	D10		D15		D78		C00
37	ĐH	7310601	Quốc tế học	301	10							
		7310601	Quốc tế học	303	10							
		7310601	Quốc tế học	200	10	D01		D14		D78		
		7310601	Quốc tế học	100	70	D01		D14		D78		
38	ĐH	7310630	Việt Nam học	301	9							
		7310630	Việt Nam học	303	18							
		7310630	Việt Nam học	401	36	C00	Ngữ văn	D01	Ngữ văn	D78	Ngữ văn	
		7310630	Việt Nam học	200	9	C00		D01		D78		
		7310630	Việt Nam học	100	18	C00		D01		D78		

39	ĐH	7440102	Vật lý học	301	5								
		7440102	Vật lý học	303	10								
		7440102	Vật lý học	401	20	A00	Vật lý	A01	Vật lý				
		7440102	Vật lý học	200	5	A00		A01		D90			
		7440102	Vật lý học	100	10	A00		A01		D90			
40	ĐH	7440112	Hoá học	301	10								
		7440112	Hoá học	303	10								
		7440112	Hoá học	401	40	A00	Hoá học	B00	Hoá học	D07	Hoá học		
		7440112	Hoá học	200	10	A00		B00		D07			
		7440112	Hoá học	100	30	A00		B00		D07			
41	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	301	15								
		7480201	Công nghệ thông tin	303	31								
		7480201	Công nghệ thông tin	401	46	A00	Toán	A01	Toán	B08	Toán		
		7480201	Công nghệ thông tin	200	15	A00		A01		B08			

42	ĐH	7760101	Công tác xã hội	301	9								
		7760101	Công tác xã hội	303	18								
		7760101	Công tác xã hội	200	9	A00		D01		C00			
		7760101	Công tác xã hội	100	54	A00		D01		C00			
43	ĐH	7810101	Du lịch	301	10								
		7810101	Du lịch	303	20								
		7810101	Du lịch	200	10	C00		C04		D01		D78	
		7810101	Du lịch	100	60	C00		C04		D01		D78	
44	ĐH	7420203	Sinh học ứng dụng	301	3								
		7420203	Sinh học ứng dụng	303	3								
		7420203	Sinh học ứng dụng	401	9	B00	Sinh học	D08		Sinh học			
		7420203	Sinh học ứng dụng	200	3	B00		D08					
		7420203	Sinh học ứng dụng	100	12	B00		D08					



**Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Long An (934 Quốc lộ 1, Khu phố Tường Khánh, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An)**

45	ĐH	7140201_LA	Giáo dục mầm non - phân hiệu Long An	301	10							
		7140201_LA	Giáo dục mầm non - phân hiệu Long An	303	20							
		7140201_LA	Giáo dục mầm non - phân hiệu Long An	406	10	M02		M03				
		7140201_LA	Giáo dục mầm non - phân hiệu Long An	405	60	M02		M03				
46	ĐH	7140202_LA	Giáo dục Tiểu học - phân hiệu Long An	301	15							
		7140202_LA	Giáo dục Tiểu học - phân hiệu Long An	303	15							





